

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 190/2026/DS-PT
Ngày 13 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng, bà Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 146/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 208/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2026/QĐXX-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: tổ H, ấp H, xã P, tỉnh An Giang. (CCCD số 089062003167 ngày cấp 12/5/2023)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Nguyễn H1, sinh năm 1981, cư trú: ấp C, xã P, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 (Căn cước công dân số: 089072030533) và Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1970. (CMND: 350940599); cùng cư trú tại: tổ A, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Lê Tiến H2, sinh năm 1984, cư trú ấp P, xã P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Lê Văn T, Đỗ Thị D là bị đơn trong vụ án.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang có Quyết định kháng nghị số 448/QĐ-VKS-DS ngày 31/12/2025.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông H có cho ông T, bà D vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận khi vay là 3% tháng, thời hạn vay là 06 tháng, ông T, bà D trả tiền lãi từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024, tổng cộng là 15.000.000 đồng tiền lãi.

Biên nhận vay tiền ngày 22/03/2024 do ông H viết nội dung, chữ ký tên, ghi họ và tên do ông T tự ghi, số tiền vay 100.000.000 đồng, ông T nhận tiền và ký biên nhận cùng.

Bà D, ông T có thể chấp cho ông H một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình ông T, bà D việc thế chấp này chủ yếu để làm tin cho số tiền vay 100.000.000 đồng, không có đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Nay ông H yêu cầu buộc ông T, bà D có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vay 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 22/8/2024 cho đến khi vụ án được xét xử xong. Khi nào ông T, bà D trả đủ tiền, ông trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông T, bà D.

Bị đơn ông T trình bày: Ông T và ông H không bà con họ hàng, chỉ quen biết bạn bè với nhau. Vào ngày 22/03/2024 ông H có cho vợ chồng ông T, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, lúc vay tiền ông T nói để xoay xở công việc trong gia đình.

Theo biên nhận ngày 22/03/2024 nội dung biên nhận là ông Nguyễn Phước H viết, chữ ký tên ghi họ và tên là của ông Lê Văn T, lúc vay tiền thì không thỏa thuận ngày trả lại vốn, nhưng không biết vì lý do gì trong biên nhận có ghi thời hạn trả vốn là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận khi vay là 4%/tháng chứ không phải 3% như ông H trình bày; ông T, bà D thực hiện nghĩa vụ trả lãi được vài tháng thì ngưng nên ông H mới kiện ông T ra Toà, việc đóng lãi ông trình bày cho Toà biết chứ không có ý kiến và yêu cầu gì về phần tiền lãi đã đóng.

Nay ông T, bà D hiện tại hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn xin được trả vốn 100.000.000 đồng, không trả lãi. Ông và vợ bà D có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông Nguyễn Phước H nhưng chủ yếu để làm tin cho số tiền vay chứ thực tế giữa hai bên không làm hợp đồng thế chấp theo quy định.

Bà Đỗ Thị D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025

Tôi Đỗ Thị D là vợ của ông Lê Văn T hiện sinh sống chung nhà với ông T tại ấp P, xã P, tỉnh An Giang, bà D có nhận đầy đủ các thông báo và quyết định của Toà án, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà D không biết do lúc vay

tiền ông H chỉ một mình ông T vay, mục đích ông T vay tiền ông H một phần dùng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình, một phần cho người khác vay lại lấy tiền lãi chênh lệch, tôi có biết việc ông T thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, giữa tôi ông H, ông T không thực hiện hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật. Việc thực hiện đóng lãi cho ông H, bà D, ông T lấy tiền làm thuê và tiền con cái cho để đóng lãi cho ông H, bà D không nhớ đóng lãi được mấy tháng và bao nhiêu tiền vì người đóng tiền lãi là ông T đóng, về số tiền lãi đã đóng bà D không có ý kiến và yêu cầu gì, khi nào bà D, ông T trả tiền cho ông H đầy đủ sẽ nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà D trình bày cho Toà án biết, không ký tên tùy Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 12 – An Giang đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/PL - UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền vay còn nợ 112.311.650 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó tiền vốn là 100.000.000 đồng, lãi là 12.311.650 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Phước H có đơn yêu cầu thi hành án, ông T, bà D không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Khi nào bà D, ông T trả đủ số tiền trên thì ông H trả lại ông T, bà D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05870 ngày 09/03/2022 cấp cho hộ ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, thời gian thi hành án khi án có hiệu lực.

Ngày 30/12/2025, bị đơn ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D kháng cáo yêu cầu xem xét sửa án sơ thẩm, không buộc trách nhiệm liên đới bà D cùng trả nợ cho ông H.

Tại Quyết định kháng nghị số 448/QĐ-VKS-DS ngày 31/12/2025, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không buộc trách nhiệm liên đới bà Đỗ Thị D trả nợ cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D do ông Lê Tiến H2 đại diện giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát xin rút lại Quyết định kháng nghị số 448/QĐ-VKS-DS ngày 31/12/2025 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát khu vực 12 nêu trên; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang, thì thấy;

Ông H yêu cầu bị đơn ông T, bà D trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và cung cấp biên nhận nợ ngày 22/03/2024 có chữ ký tên ghi họ và tên ông Lê Văn T; quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm ông T thừa nhận có nhận tiền vay của ông H 100.000.000 đồng và nhận cùng ngày làm biên nhận nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà D không trực tiếp vay tiền từ ông H, nhưng lời khai bà D và ông T đều thừa nhận ông T vay tiền dùng vào mục đích sinh hoạt gia đình và cho vay lại lấy tiền lãi chênh lệch để tiêu xài cho gia đình; hiện nay ông T, bà D còn chung sống với nhau, căn cứ điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25, 26 của Luật này...vợ chồng chịu trách*

nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này... ”. Cấp sơ thẩm buộc bà D phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả cho ông H số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Về yêu cầu tính lãi suất: Ông H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, từ ngày 22/09/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự là có căn cứ và có lợi cho bị đơn; cấp sơ thẩm tính lãi suất là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát xin rút Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp chứng cứ mới, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 289, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

Buộc ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền vay còn nợ 112.311.650 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi đồng); trong đó tiền vốn là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 12.311.650 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Phước H có đơn yêu cầu thi hành án, ông T, bà D không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị D mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012990 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các phần khác Quyết định của Bản án sơ thẩm 208/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 12 – An Giang không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- THA Dân sự tỉnh An Giang.
- TAND Khu vực (1)
- THA Khu vực (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng GD, KT, TT & THA
- Đương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn